TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân khu vực 11 - Gia Lai về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; CCCD số: 0640.8800.2391;
Địa chỉ: 1 N, phường A, thành phố H;
Và Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1996; CCCD số 0641.9600.4126;
Địa chỉ: Thôn C, xã I, tỉnh Gia Lai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 29/12/2014 *(Nay là xã I, tỉnh Gia Lai)*. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân nhau một khoản thời gian dài. Nhận thấy cả hai hiện không còn tình cảm yêu thương giành cho nhau nên anh chị thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/5/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)*. Chị T được nhận số tiền này để nuôi con và được quyền yêu cầu thi hành án.

Thời hạn nuôi con của chị T và cấp dưỡng của anh L tính từ ngày 30/3/2026 cho đến cho đến khi con chung thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận mỗi người chịu lệ phí là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày 30/3/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* kể từ ngày 30/3/2026 cho đến khi con chung thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị T được nhận số tiền này để nuôi con và được quyền yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, mỗi người 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002758 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh L và chị T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai (Nơi ĐKKH);
- Phòng THADS Khu vực 11- Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung